

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán và giao kế hoạch vốn thực hiện Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân đạt tiêu chí đô thị loại IV.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc: “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc: “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước”;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về việc: “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công”;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Quyết định số 4763/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về việc: “Phê duyệt dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2017 tỉnh Thanh Hóa”; Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về việc: “Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV”;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 1944/TTTr-STC-HCSN ngày 17/5/2017 về việc: “Đề nghị phê duyệt dự toán và giao kế hoạch vốn thực hiện Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV”,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và giao kế hoạch vốn thực hiện Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân đạt tiêu chí đô thị loại IV để các ngành, các đơn vị có liên quan thực hiện; với các nội dung chủ yếu sau:

1. Dự toán kinh phí:

1.1. Tổng dự toán: 922,0 triệu đồng (Chín trăm hai mươi hai triệu đồng).
(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

1.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

2. Bổ sung dự toán kinh phí đợt này cho Sở Xây dựng Thanh Hóa để thực hiện nhiệm vụ

2.1. Dự toán bổ sung đợt này: 500,0 triệu đồng (Năm trăm triệu đồng).

2.2. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế khác trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2017.

3. Mục tiêu: Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc: “Phê duyệt nhiệm vụ, dự toán lập Đề án đề nghị công nhận khu vực thị trấn Lam Sơn, thị trấn Sao Vàng và khu vực dự kiến mở rộng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt tiêu chí đô thị loại IV”.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, giao Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung dự toán năm 2017 cho Sở Xây dựng Thanh Hóa để thực hiện Đề án, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

4.2. Sở Xây dựng Thanh Hóa có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và các Quyết định có liên quan của cấp có thẩm quyền; quản lý, sử dụng kinh phí đúng nội dung, đối tượng, mục đích và thanh quyết toán theo quy định.

Điều 2. Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, các ngành và đơn vị có liên quan căn cứ vào nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện, đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

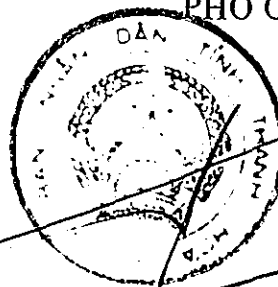
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT Thn201775 (15).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Văn Tuấn

Phụ biểu:

DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN THỊ TRẤN LAM SƠN, THỊ TRẤN SAO VÀNG VÀ KHU VỰC DỰ KIẾN MỞ RỘNG, HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV.

(Kèm theo Quyết định số : 1919 /QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Thành phần chi phí	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt					
			Ghi chú	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thời gian thực hiện	Thành tiền (đồng)
A	TỔNG CHI PHÍ CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	1.058.693.900	Ctv	= A1 + A2			756.055.300	
A1	CHI PHÍ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN	829.200.900	A1				576.062.300	
1	Chi phí khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, phương tiện đi lại báo cáo các cấp có thẩm quyền	38.750.000	Cks				29.750.000	
1.1	Chi phí đi lại công tác của đơn vị tư vấn phục vụ khảo sát (đi đến Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng và đi lại khảo sát trong khu vực): 2 đợt, 5 người (trung bình 3 ngày/lượt công tác đi và về)	2.000.000		2 đợt x 1.000.000 đồng/lượt			2.000.000	
1.2	Chi phí lưu trú	9.500.000					8.500.000	
1.2.1	Chi phí thuê phòng nghỉ	5.000.000		5 người x 2 đêm x 2 đợt x 200.000 đồng			4.000.000	
1.2.1	Chi phí Phụ cấp công tác	4.500.000		5 người x 3 ngày x 2 đợt x 150.000 đồng			4.500.000	
1.3	Chi phí thu thập tài liệu, số liệu, bản đồ các loại	8.000.000		biểu	40	200.000đ		
1.4	Chi phí tư vấn đi lại báo cáo các cấp tại TP.Thanh Hóa và Đô thị Lam Sơn - Sao Vàng và TP. Hà nội (11 cuộc, 5 người, thời gian 1 ngày)	19.250.000					19.250.000	
1.4.1	Chi phí tàu xe	11.000.000		11 lần x 1.000.000 đồng/lượt			11.000.000	
1.4.3	Phụ cấp công tác	8.250.000		người	5 người x 11 lần	150.000đ/ngày	01 ngày	8.250.000
II	Chi phí lương chuyên gia, cán bộ tư vấn lập Đề án công nhận đô thị	414.000.000	Cda	4 tháng			276.000.000	
2.1	Chủ nhiệm đề án từ 10 năm kinh nghiệm	90.000.000		người	1	15.000.000đ/tháng	4 tháng	60.000.000

Đông

TT	Thành phần chi phí	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt					
			Ghi chú	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thời gian thực hiện	Thành tiền (đồng)
2.2	Chuyên gia thực hiện chuyên môn đề án từ 5 đến 10 năm kinh nghiệm	180.000.000		người	3	10.000.000đ/tháng	4 tháng	120.000.000
2.3	Cán bộ kỹ thuật thực hiện chuyên môn, tài chính, kế hoạch từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	144.000.000		người	3	8.000.000đ/tháng	4 tháng	96.000.000
III	Chi phí khác	72.100.000	Ck					64.100.000
	Chi phí văn phòng phẩm, in hồ sơ, tài liệu đề án báo cáo các cấp, khấu hao thiết bị							
3.1	Văn phòng phẩm	12.000.000		Tháng	6	2.000.000đ/tháng		12.000.000
3.2	Photo tài liệu phục vụ nghiên cứu đề án	1.600.000		Bộ	8	200.000đ/l bộ		1.600.000
3.3	Biên tập, in ấn bản đồ màu khổ A0 để trình duyệt	5.000.000		Bộ	10	500.000đ/l bộ		5.000.000
3.4	In và photo hồ sơ báo cáo các cấp	40.500.000						40.500.000
3.4.1	Bộ bìa màu, nội dung thuyết minh đen trắng, bản đồ A3 đen trắng (phục vụ các cuộc báo cáo địa phương, UBND huyện, Ban Thường vụ Huyện, HĐND huyện)	4.000.000		Bộ	50	20.000đ	4 cuộc	4.000.000
3.4.2	Bộ Slide đen trắng kèm theo (phục vụ các cuộc báo cáo các cấp)	5.000.000		Bộ	50	25.000đ	4 cuộc	5.000.000
3.4.3	Bộ HS có bìa màu A4, nội dung thuyết minh in màu, bản đồ màu A3 phục vụ các cuộc báo cáo các Sở, Ban, Ngành, UBND tỉnh, Thường vụ Tỉnh ủy, Ban pháp chế HĐND tỉnh, đoàn khảo sát liên ngành, hội đồng thẩm định quốc gia)	14.000.000		Bộ	50	40.000đ	7 cuộc	14.000.000
3.4.4	Bộ Slide màu kèm theo (phục vụ các cuộc báo cáo các cấp)	17.500.000		Bộ	50	50.000đ	7 cuộc	17.500.000
3.5	In và hoàn thiện sản phẩm	5.000.000		Bộ	10	500.000đ/ 1 bộ		5.000.000
3.6	Khấu hao thiết bị, máy tính	8.000.000				6tr/máy/36 tháng x 6 tháng x 8 máy		
IV	Chi phí quản lý của đơn vị tư vấn	186.300.000	Cql			Cql = 45% * Cđa		124.200.000
V	Thu nhập chịu thuế tính trước	42.669.000	TN			= 6% x (Cks+Cđa+Ck+Cql)		29.643.000

[Handwritten signature]

TT	Thành phần chi phí	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt				
			Chi chú	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thời gian thực hiện
VI	Thuế giá trị gia tăng	75.381.900	VAT			= 10% x (Cks+Cđa+Ck+Cql+TN)	52.369.300
	TỔNG A1	829.200.900				A1 = (Cks+Cđa+Ck+Cql+TN+VAT)	576.062.300
A2	CHI PHÍ THỰC HIỆN LÀM PHIM VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	229.493.000					179.993.000
1	Kịch bản	3.630.000					3.630.000
2	Đạo diễn và dàn dựng hình ảnh	50.000.000					40.000.000
3	Chi phí quay phim, dựng phim, đồ họa	100.000.000					80.000.000
4	Đọc lời bình	15.000.000					10.000.000
5	Tư liệu hình ảnh	15.000.000					15.000.000
6	Vật tư băng ghi hình	10.000.000					10.000.000
7	In đĩa DVD	5.000.000					5.000.000
8	Chi phí phương tiện và chi phí khác	10.000.000					
9	Cộng (1+2+3+4+5+6+7+8)	208.630.000					163.630.000
10	Thuế giá trị gia tăng (VAT):	20.863.000					16.363.000
	TỔNG A2	229.493.000				A2 = (9+10)	179.993.000
B	CHI PHÍ HỘI NGHỊ, HỘI THẢO BÁO CÁO CÁC CẤP CÓ THẨM QUYỀN	49.000.000					49.000.000
1	Báo cáo các cấp thị xã Sâm Sơn (dự kiến 04 cuộc báo cáo: Cộng đồng dân cư, UBND TX, Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND huyện)	12.000.000			04 cuộc x 3.000.000đ		12.000.000
3	Báo cáo nội dung với Sở Xây dựng và các ngành liên quan (1 cuộc)	4.000.000			01 cuộc x 4.000.000đ		4.000.000
4	Báo cáo thông qua UBND tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban pháp chế HĐND tỉnh Thanh Hoá (3 cuộc).	15.000.000			03 cuộc x 5.000.000đ		15.000.000
5	Báo cáo Đoàn Khảo sát liên ngành (Bộ Xây dựng chủ trì)	8.000.000			01 cuộc x 8.000.000đ		8.000.000
6	Báo cáo Hội đồng thẩm định Quốc gia (Bộ Xây dựng chủ trì)	10.000.000			01 cuộc x 10.000.000đ		10.000.000

Abv

TT	Thành phần chi phí	Đơn vị đề nghị	Dự toán thẩm định, phê duyệt					
			Ghi chú	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thời gian thực hiện	Thành tiền (đồng)
C	CHI PHÍ CÔNG TÁC CỦA SỞ XÂY DỰNG, UBND TỈNH THANH HÓA LÀM VIỆC TẠI HÀ NỘI (Trung bình 5 người/lượt x 3 ngày/lượt x 3 lượt)	26.250.000						26.250.000
1	Chi phí đi lại từ Thanh Hóa - Hà Nội - Thanh Hóa (cả đi và về)	9.000.000			3.000.000 d/lượt x 3 lượt			9.000.000
3	Chi phí đi lại làm việc tại Hà Nội	3.000.000			1.000.000d/lượt x 3 lượt			3.000.000
4	Phụ cấp lưu trú	6.750.000			5 người x 150.000d/người/ngày x 3 ngày x 3 lượt			6.750.000
5	Thuê phòng nghỉ	7.500.000			5 người x 250.000d/người/ngày x 2 đêm x 3 lượt			7.500.000
D	CHI PHÍ THẨM ĐỊNH CỦA BỘ XÂY DỰNG	41.460.045			5% x AI			28.803.115
E	CHI PHÍ QUẢN LÝ THỰC HIỆN LẬP ĐỀ ÁN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	66.062.499			= 7,05 % x (Ctv)			53.301.899
F	CHI PHÍ TRONG QUÁ TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU	5.447.388						-
TỔNG (A+B+C+D+E+F)		1.246.913.832	DT		(A+B+C+D+E+F)			913.410.314
CHI PHÍ THẨM TRA, PHÊ DUYỆT		11.845.681	PD		0,95% x (DT)			8.677.398
TỔNG DỰ TOÁN		1.258.759.514			(DT + PD)			922.087.712
TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN LÀM TRÒN		1.258.760.000						922.000.000